

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Về việc triển khai thực hiện việc công khai đối với cơ sở GDMN theo quy định
tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025 - 2026

I. Các thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường mầm non Yên Thịnh

2. Địa chỉ trụ sở chính

a. Địa chỉ

Điểm trường: Thôn Trung Yên, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

b. Điện thoại : 0903249766

c. Địa chỉ thư điện tử: tmnyenthinh.xayenmo@ninhbinh.gov.vn

d. Cổng thông tin điện tử: <https://ninhbinh.edu.vn/ym-mnyenthinh>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục.

Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a. Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội. Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

b. Tầm nhìn

Trường Mầm non Yên Thịnh không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Và trên hết, trường mầm non Yên Thịnh luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - Sạch

- Đẹp - An toàn - Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tổ chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

Nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

c. Mục tiêu

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Yên Thịnh thành lập tháng 10/1997 theo Quyết định số 69/QĐ-TCCB ngày 11/12/1992. Từ năm 1997 đến năm 2013 là Trường Mầm non 1-6 Thị trấn Yên Thịnh. Ngày 19 tháng 01 năm 2013 đổi con dấu thành trường mầm non Yên Thịnh cho đến ngày nay. Trường Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 tại thời điểm tháng 12 năm 2020 (theo Quyết định số 986/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình ngày 31/12/2020) và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (theo Quyết định số 909/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2020).

Trải qua 27 năm xây dựng và trưởng thành, trường mầm non Yên Thịnh không ngừng phát triển cả về qui mô và chất lượng, tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết một lòng hoàn thành xứ mệnh “Trồng người”.

Nhiều năm liền, nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, được UBND tỉnh danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được UBND huyện tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

Trường có 1 điểm trường: Tại thời điểm công khai toàn trường có tổng số 15 nhóm, lớp. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 45 đồng chí (CBQL 03, GV 33, NV 9).

Biên chế 35 đồng chí (trong đó CBQL 3đ/c, GV 31đ/c, NV 1đ/c)

Hợp đồng 10đ/c (trong đó 02 giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111, 07 nhân viên nấu ăn và 01 nhân viên bảo vệ).

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Dương Thị Lan

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số nhà 10a, đường Ninh Tôn, thôn Trung Yên, xã Yên Mô,
Ninh Bình

Số điện thoại: 0903249766

Địa chỉ thư điện tử: duonglan80ym@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Mầm non Yên Thịnh thành lập năm 1997 theo Quyết định số 69/QĐ-TCCB ngày 29/10/1997. Từ năm 1997 đến năm 2013 là Trường Mầm non 1-6 Thị trấn Yên Thịnh. Ngày 19 tháng 01 năm 2013 đổi con dấu thành trường mầm non Yên Thịnh cho đến ngày nay.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định kiện toàn hội đồng trường số 111/QĐ-TrMN ngày 22/9/2025 của hiệu trưởng trường mầm non Yên Thịnh về việc kiện toàn Hội đồng trường mầm non Yên Thịnh nhiệm kỳ 2025-2026

- Danh sách hội đồng trường

Bà : Dương Thị Lan - Hiệu trưởng- Chủ tịch HĐ

Bà : Vũ Thị Huyền - Bí thư ĐTNCSHCM - Thư ký

Bà : Vũ Thị Hải - TTCMMG

Bà : Phạm Thị nương - Tổ trưởng tổ nhà trẻ

Bà : Tống Thị Hà - Tổ trưởng tổ Văn Phòng

Bà : Vũ Thị Thoa - Tổ phó chuyên môn mẫu giáo

Ông : Phạm Văn Chung - Trưởng ban diện cha mẹ trẻ em của nhà trường

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2026 của UBND xã Yên Mô về việc bổ nhiệm lại bà Dương Thị Lan chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Yên Thịnh.

- Quyết định 2866/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Yên Mô về việc điều động luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục chức vụ Phó hiệu trưởng với bà Nguyễn Thị Sơn.

- Quyết định 1068/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Yên Mô về việc điều động luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục chức vụ Phó hiệu trưởng với bà Lê Thị Thu Trà.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục (kèm theo quyết định và quy chế làm việc của trường mầm non Yên Thịnh).

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường Mầm non Yên Thịnh:

+ Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

+ Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

+ Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

+ Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ của các thành viên trong cơ sở giáo dục.

TT	Họ và tên	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Nhiệm vụ
----	-----------	------------	---------------------	----------

		Chức vụ			Địa chỉ Nơi làm việc	Công việc chính
1	Dương Thị Lan	Hiệu trưởng	0903249766	duonglan80ym@gmail.com	Thôn Trung Yên	Phụ trách chung
2	Nguyễn Thị Sơn	P. Hiệu trưởng	0382182898	hangson80kt@gmail.com	Thôn Trung Yên	Phụ trách CMMG
3	Lê Thị Thu Trà	P. Hiệu trưởng	0987763722	Letra091978@gmail.com	Thôn Trung Yên	Phụ trách CMNT
4	Vũ Thị Huyền	Giáo viên	0948284326	Huyenmai1979@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TA
5	Đình Thị Lê	Giáo viên	0344790469	Dinhleyt86@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TA
6	Vũ Thị Thoa	Giáo viên	0945325663	Thoaminh2@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TB
7	Vũ Thị Đào	Giáo viên	0392628454	vuthidaonb@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TB
8	Lê Thị Thuý Sơn	Giáo viên	0975121819	lethithuysontyleson@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TC
9	Mai Thị Hồng Nhung	Giáo viên	0962378491	Nhungthuan1991@gmail.com	Thôn Trung Yên	5TC
10	Phạm Thị Hiên	Giáo viên	0911189176	lehienyenthinhuyenmo@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TA
11	Lã Thị Ngọc Hoà	Giáo viên	0866195282	lahoa09112000@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TA
12	Vũ Thị Huyền	Giáo viên	0353545396	noinhobilangquen@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TB
13	Nguyễn Thị Hạnh	Giáo viên	0349664260	phungkhanhhuybn@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TB
14	Vũ Thị Tâm Hồng	Giáo viên	0984921915	tamhong.yp@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TC
15	Đỗ Thị Thanh Hoa	Giáo viên	0914996906	hoaninhbinh84@gmail.com	Thôn Trung Yên	4TA

16	Dương Thị Phương Nhung	Giáo viên	091426426	Tranduongnam35@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TA
17	Vũ Thu Thủy	Giáo viên	0987628956	thuyvu.130589@gmail.co	Phố Trung Yên	3TA
18	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Giáo viên	0327751811	thanhnhan.93nb@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TB
19	Trần Thị Oanh	Giáo viên	0398947366	ttooanh1974@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TB
20	Vũ Thị Hải	Giáo viên	0915122900	Vuhaiyt88@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TC
21	Vũ Thị Lan	Giáo viên	0968615014	vuthilanlaichau@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TC
22	Phạm Thị Hương	Giáo viên	0973913401	Phamhuongnb071@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TD
23	Phạm Thị Mai Thủy	Giáo viên	0982548197	Maithuy2405@gmail.com	Thôn Trung Yên	3TD
24	Nguyễn Thị Dung	Giáo viên	0966728712	dung1986.yk@gmail.com.	Thôn Trung Yên	3TD
25	Nguyễn Thị Hương Cúc	Giáo viên	0961069358	nguyencuc9358@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TA
26	Đỗ Thị Nụ	Giáo viên	0399094380	donu3916@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TA
27	Phạm Thị Nhường	Giáo viên	0349712350	phamnhuongdinhgiang@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TB
28	Đinh Thị Thục Anh	Giáo viên	0363751769	dinhthithucanh347@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TB
29	Vũ Thị Nguyệt	Giáo viên	0369802174	Nguyetkhanhthinh@Gmail.com	Thôn Trung Yên	2TC
30	Vũ Thị Mận	Giáo viên	0396409409	Vuthimanic@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TC
31	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	0354156702	nguyenthiloan91nb@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TD
32	Đỗ Thị Thắm	Giáo viên	0932390384	thamdt69nb@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TD

33	Đào Thị Bích	Giáo viên	0966504551	bichmamnon320@gmail.com	Thôn Trung Yên	2TD
34	Nguyễn Thị Xuyên	Giáo viên	0389522754	xuyenchip1996@gmail.com	Thôn Trung Yên	IT
35	Trần Thị Hằng	Giáo viên	0355765906	tranhang1581983@gmail.com	Thôn Trung Yên	IT
36	Phạm Thị Lan	Giáo viên	0789112164	phamthilan2510@gmail.com	Thôn Trung Yên	IT
37	Tống Thị Hà	NV	0945187516	dolammom@gmail.com	Thôn Trung Yên	Kế toán
38	Đỗ Thị Khuyến	NV	0974868912	phamthukhuyen4@gmail.com	Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
39	Trịnh Thị Huệ	NV	0393614585		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
40	Nguyễn Thị Ngân	NV	0383524964		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
41	Lê Thị Huệ	NV	0904840431		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
42	Đỗ Thị Nhung	NV	0987732065		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
43	Bùi Thị Hân	NV	0987298473		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
44	Lã Thị Oanh	NV	0968969920		Thôn Trung Yên	Nhân viên nấu ăn
45	Đỗ Xuân Hồng	NV	0822938135		Thôn Trung Yên	Bảo vệ

** Thông tin ban giám hiệu nhà trường*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ Email
1	Dương Thị Lan	Hiệu trưởng	0903249766	duonglan80ym@gmail.com
2	Nguyễn Thị Sơn	Phó Hiệu trưởng	0382182898	hangson80kt@gmail.com
3	Lê Thị Thu Trà	Phó Hiệu trưởng	0987763722	Letra091978@gmail.com

II. Thu chi tài chính

Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí);

+ Ngân sách nhà nước năm 2025: 8.363.262.700 đồng.

+ Học phí năm 2025(bao gồm thu từ người học và cấp bù miễn giảm học phí): 385.505.500 đồng.

- Các khoản thu khác từ người học năm học: 2025 - 2026:

+ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026: 2.002.888.800 đồng(Trong đó khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức trần: 27.510.000 đồng).

STT	Nội dung thu-chi	Mức thu	Tổng số tiền			Ghi chú
			Thu	Chi	Tồn	
I	Các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục					
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú		1,975,378,800	1,975,378,800	0	
	- Dịch vụ phục vụ ăn bán trú	22.000d/HS/ngày	1,281,173,000	1,281,173,000	0	Từ t9 đến tháng 12/2025
		23.000d/HS/ngày				Từ t01 đến tháng 5/2026
	- Dịch vụ quản lý học sinh bán trú(bao gồm thuê NV nấu ăn+ hỗ trợ CB, GV trực trưa kỳ I năm học 2025-2026)		371,014,800	371,014,800	0	Theo NQ 39/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/7/2021 và NQ 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025
	- Dịch vụ nấu ăn	108.000d/HS/tháng	204,336,000	204,336,000	0	Từ t01 đến tháng 5/2026
	- Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú		43,880,000	43,880,000	0	
	+ Thu lần đầu tuyển mới vào trường	200.000d/HS/năm học				
+ Thu bổ sung hằng năm	80.000d/HS/năm học					
2	Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh	25.000d/HS/tháng	74,975,000	74,975,000	0	
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức trần					
1	Tiền điện	15.000d/HS/tháng	27,510,000	27,510,000	0	Theo NQ 39/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/7/2021

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: 0 đồng

2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 6.629.446.700 đồng.

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo,...): 674.863.600đ.

- Chi hỗ trợ người học (trợ cấp, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng....): 733.230.000đ.

- Chi khác: 325.722.400 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

T T	Nội dung	Học kỳ I		Học kỳ II		Tổng năm học 2025-2026.		Ghi chú
		Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	
			(ĐVT: đồng)		(ĐVT: đồng)		(ĐVT: đồng)	
1	Học sinh được hưởng chế độ miễn, giảm học phí.	369	232.640.000	383	306.080.000	752	538.720.000	
2	Học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập.	5	3.000.000	9	6.750.000	14	9.750.000	
3	Học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ ăn trưa.	6	3.840.000	9	16.200.000	15	20.040.000	
	Tổng cộng	380	239.480.000	401	329.030.000	781	568.510.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

III. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên năm học 2025 – 2026.

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	45			36	1	5	3
I	Giáo viên	33			33			
1	Nhà trẻ	12			11	1		
2	Mẫu giáo	21			21			

II	Cán bộ quản lý	3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
III	Nhân viên	10			1	1	5	3
1	Nhân viên văn thư	0			0			
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Nhân viên y tế	0			0			
4	Nhân viên khác	8				1	5	3

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
I	Cán bộ quản lý	3			3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2	2			
II	Giáo viên	31		11	20	13	18		
1	Nhà trẻ	11		3	8	4	7		
2	Mẫu giáo	20		8	12	9	11		

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý	3
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	31

	Số lượng	31
	Tỷ lệ	100%
3	Nhân viên	10
	Số lượng	10
	Tỷ lệ	100%

IV. Cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	NỘI DUNG	TỔNG DT	THỰC TẾ	THEO QUY ĐỊNH
I	Số điểm trường	1	-	
II	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	5.762	15m ² /trẻ em	12m ² /trẻ em
III	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3100	8,09m ² /trẻ em	1m ² /trẻ em nhà trẻ 2m ² /trẻ em mẫu giáo
IV	Tổng diện tích một số loại phòng	1460	3,8 m ² /trẻ em	
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	810	2,1 m ² /trẻ em	
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
	Khu sinh hoạt chung (m ²) (15 phòng)	810	2,1m ² /trẻ em	1,50m ² /trẻ em
	Khu ngủ (m ²) (15 phòng)	300	0,78m ² /trẻ em	1,20m ² /trẻ em
	Vệ sinh (m ²) (15 phòng)	340	0,89m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em
	Hiên chơi (m ²) (15 lớp)	319	0,83m ² /trẻ em	0,50m ² /trẻ em
	Kho nhóm lớp (8 lớp)	120	0.31m ² /trẻ em	6m ² /kho
	Phòng giáo viên	0		120m ² /phòng

1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật			
	Phòng giáo dục thể chất (m ²)	54	0,14m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em
	Phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (bao gồm cả kho và nhà vệ sinh) (m ²)	60	0,15m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em
	Phòng đa chức năng (m ²)			2m ² /trẻ em
1.3	Sân chơi riêng	3.100	8,09m ² /trẻ em	1m ² /trẻ em nhà trẻ 2m ² /trẻ em mẫu giáo
1.4	Phòng tin học	55	0,14m ² /trẻ em	40m ² /phòng
2	Khối phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp (m ²)	100	0,26m ² /trẻ em	
	Kho bếp	18	18 m ² /kho	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực
3	Khối phụ trợ			
	Phòng họp	60	1,33m ² /người	1,20m ² /người
	Phòng Y tế	15	15m ² /phòng	10m ² /phòng
	Nhà kho	10	10m ² /kho	40m ² /kho
	Sân vườn	3.983	10,4 m ² /trẻ em	3m ² /trẻ em
	<i>Trong đó: sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm</i>	3.100	8,09m ² /trẻ em	0,30m ² /trẻ em

b) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

I	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	8599	1451 Thiết bị/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	2447	392 thiết bị/nhóm (lớp)

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	7152	1059 thiết bị/nhóm (lớp)
---	--	------	--------------------------

c) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	
2	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số, tivi, v.v...)	20	04 máy tính, 16 Ti vi
3	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	500	Số thiết bị/nhóm (lớp)

V. Kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá:

Tại thời điểm tháng 5/2026, Trường MN Yên Thịnh tự đánh Đạt mức độ 1.

Mức 1:

- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức 1: 22/22 đạt 100%
- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt Mức 1: 0

Mức 2

- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức 2: 17/21 đạt 81%
- + Số lượng và tỷ lệ và tỷ lệ tiêu chí không đạt Mức 2: 04/21 đạt 19%

Mức 3

- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức 3: 12/15 đạt 80%
- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt Mức 3: 03/15 đạt 20%

Mức 4

- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí đạt Mức 4: 02/6 đạt 33,3%
- + Số lượng và tỷ lệ tiêu chí không đạt Mức 4: 04/6 đạt 66,6%

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Trường Mầm non: Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 tại thời điểm tháng 12 năm 2020 (theo Quyết định số 986/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình ngày 31/12/2020) và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (theo Quyết định số 909/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2020).

- Có kế hoạch và báo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm kèm theo

VI. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

TT	Nội dung	Năm học 2025-2026
1	Tổng số lớp	15
	Mẫu giáo	10
	Nhà trẻ	5
2	Tổng số trẻ	383
	Mẫu giáo	275
	Nhà trẻ	108
3	Số trẻ học 2 buổi trên ngày	383
4	Số trẻ ăn bán trú	383
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe	383
	Trong đó : Mẫu giáo	375
	Nhà trẻ	108
6	Số trẻ phổ cập GDMNTEST	107
7	Số trẻ khuyết tật	2
	+ Hòa nhập	2
	+ Không hòa nhập	0

VII. kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng

cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án.

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương và phụ huynh học sinh tham gia các hoạt động, các phong trào của nhà trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm edu.vn, quản lý trang web...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài gairng điện tử)...trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mâm non Yên Thịnh, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <https://ninhbinh.edu.vn/ym-mnyenthinh>

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Dương Thị Lan